

Số: 160/2024/QĐST-DS

S, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15/8/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 183/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (N); địa chỉ trụ sở chính: Số B phố B, phường H, quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: bà Bùi Thị Thanh H - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 367/2024/UQ-HĐQT.NCB ngày 24/01/2024 của Chủ tịch hội đồng quản trị): Bà Đinh Thị L - Phó Giám đốc Trung tâm - nợ.

Đại diện theo ủy quyền lại (theo Giấy ủy quyền số 3607/2024/UQ-BĐH.NCB.03 ngày 01/7/2024): Ông Nguyễn Văn T - Trưởng bộ phận – Phòng

XLN **miền B**; ông **Võ Đức Nhật H1** - Chuyên viên – Phòng XLN **miền B**; ông **Dương Hồ V** - Chuyên viên – Phòng XLN **miền B** và bà **Vũ Thị Hồng P** - Chuyên viên – Phòng XLN **miền B**. Cùng địa chỉ: **A N, phường N, quận H, TP .**

- *Bị đơn*: Ông **Lê Hào H2**, sinh năm: 1994. Nơi cư trú: **Tổ B, phường A, quận S, TP .**

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Ông **Lê Văn M**, sinh năm 1958; ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1985; bà **Nguyễn Thúy H3**, sinh năm 1991 và các cháu **Lê Gia H4**, sinh năm 2012; **Lê Bách T2**, sinh năm 2015. Ông **T1** và bà **H3** là cha mẹ ruột của cháu **H4** và **T2** - làm người giám hộ cho **H4** và **T2**.

Cùng cư trú tại: **Số A đường K, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.**

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Vào ngày 16/12/2024 ông **Lê Hào H2** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Q1** tiền tạm tính đến ngày 16/8/2024 là: 2,890,642,267 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ tám trăm chín mươi triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: Nợ gốc: 2,415,503,636 đồng; Nợ lãi : 475,138,631 đồng; (Trong đó: lãi trên dư nợ gốc trong hạn: 428,552,567 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 17,171,743 đồng, lãi chậm trả lãi: 29,414,321 đồng) và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại: Hợp đồng cho vay số 68/22/HĐCV-9356 ngày 03/06/2022.

2/ Xử lý tài sản thế chấp:

2.1 Trường hợp ông **Lê Hào H2** vi phạm cam kết như thỏa thuận trên thì tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng thửa đất số 31, tờ bản đồ số 6; diện tích: 100 m², địa chỉ: **Lô E,X2 thuộc khu dân cư H, phường H, quận N, TP .** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 003664, vào sổ cấp GCN: CH02179 do **UBND quận N** cấp cho ông **Lê Văn M** và bà **Võ Thị Kim D** ngày 04/2/2021 tặng cho ông **Lê Hào H2** ngày 30/5/2022 - cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 30/05/2022 đứng tên ông **Lê Hào H2** - được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 68/22/HĐTC-9356 ngày 03/6/2022 và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2024 thì hiện trạng nhà, đất không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp. Nhà và đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông : Giáp đường Khuê Bắc 1

Hướng Tây: Giáp đất trống

Hướng Bắc: Giáp số nhà 10 đường Khuê Bắc 1

Hướng Nam: Giáp nhà dân (chưa ghi số nhà).

Hiện tại nhà, đất trên các ông bà: ông **Lê Văn M**, ông **Lê Văn T1** (con trai ông **M**), bà **Nguyễn Thúy H3** (vợ ông **T1**), cháu **Lê Gia H4** và cháu **Lê Bách T2** (con trai của ông **T1** và bà **H3**) đang quản lý, sử dụng. - được xử lý theo Điều 299 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ.

2.2 Sau khi ông **Lê Hào H2** hoàn tất khoản nợ cho **N** thì **N** phải trả lại cho ông **Lê Hào H2** bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 003664, vào sổ cấp GCN: CH02179 do UBND quận **N** cấp cho ông **Lê Văn M** và bà **Võ Thị Kim D** ngày 04/2/2021 tặng cho ông **Lê Hào H2** ngày 30/5/2022, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 30/05/2022 đứng tên ông **Lê Hào H2** - theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự.

3/ Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 6.000.000 đồng nguyên đơn (Đã nộp, đã chi). Bị đơn ông **Lê Hào H2** có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

4/ Án phí DS-ST: 44.906.423 đồng (Bốn mươi bốn triệu chín trăm lẻ sáu ngàn bốn trăm hai mươi ba đồng) ông **Lê Hào H2** phải chịu.

Hoàn trả cho **N** số tiền 44.167.101 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm lẻ một đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002760 ngày 23/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

5/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Viện KSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THÂM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh